

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



Ủy ban nhân  
dân tỉnh  
Khánh Hòa  
22.01.2020  
15:49:03  
07/00

Số: 199 /QĐ-UBND

Khánh Hòa, ngày 21 tháng 01 năm 2020

## QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt và công bố

Chỉ số và xếp hạng kết quả cải cách hành chính năm 2019

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 2991/QĐ-UBND ngày 26/9/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa ban hành Quy chế đánh giá, xếp hạng kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh;

Xét đề nghị của Hội đồng thẩm định kết quả đánh giá, xếp hạng cải cách hành chính của tỉnh tại Tờ trình số 121/TTr-SNV ngày 17/01/2020;

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt và công bố Chỉ số cải cách hành chính (PARI) và xếp hạng kết quả cải cách hành chính năm 2019 của các sở, ngành thuộc tỉnh; các cơ quan ngành dọc cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (*Phụ lục Chỉ số và xếp hạng cải cách hành chính năm 2019 kèm theo Quyết định này*).

**Điều 2.** Thủ trưởng các sở, ngành thuộc tỉnh, các cơ quan ngành dọc cấp tỉnh, các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố căn cứ Chỉ số cải cách hành chính năm 2019 để xây dựng và triển khai kế hoạch, biện pháp, giải pháp khắc phục những hạn chế, thiếu sót (cụ thể theo Bảng kết quả chấm điểm của các cơ quan, đơn vị trên Phần mềm Hệ thống quản lý chấm điểm – Bộ chỉ số cải cách hành chính các cấp tỉnh Khánh Hòa); nỗ lực thực hiện tốt hơn công tác cải cách hành chính tại cơ quan, đơn vị, địa phương.

Căn cứ Chỉ số và xếp hạng kết quả cải cách hành chính, Giám đốc Sở Nội vụ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, chỉ đạo xử lý các cơ quan, đơn vị, cá nhân thực hiện chưa tốt.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các

- Theo Văn phòng



cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 (t/h);
- Bộ Nội vụ (để b/c);
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Đảng ủy Khối các cơ quan tỉnh;
- Các huyện, thị, thành ủy;
- Ban TĐ-KT tỉnh;
- TT Công báo tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Công TTĐT CCHC tỉnh;
- Lưu: VT, DL.52



Nguyễn Đắc Tài

**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH NĂM 2019**

STT	TÊN CƠ QUAN	ĐIỂM CHUẨN	ĐIỂM TỰ CHẤM	ĐIỂM THẨM ĐỊNH	CHỈ SỐ	XẾP LOẠI
<b>I</b>	<b>CÁC SỞ, BAN, NGÀNH THUỘC UBND TỈNH</b>					
1	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	99.00	96.50	92.50	93.43%	TỐT
2	Sở Thông tin và Truyền thông	99.00	96.00	92.50	93.43%	TỐT
3	Thanh tra tỉnh	80.50	78.00	75.00	93.17%	TỐT
4	Sở Khoa học và Công nghệ	100.00	92.50	91.00	91.00%	TỐT
5	Sở Ngoại vụ	100.00	95.00	90.57	90.57%	TỐT
6	Văn phòng UBND tỉnh	77.50	75.00	70.00	90.32%	TỐT
7	Sở Tài chính	99.75	98.00	88.75	88.97%	TỐT
8	Ban Dân tộc	62.00	57.50	55.00	88.71%	TỐT
9	Sở Công Thương	99.00	95.00	85.50	86.36%	TỐT
10	Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong	99.00	91.50	84.75	85.61%	TỐT
11	Sở Nội vụ	99.75	95.00	85.25	85.46%	TỐT
12	Sở Y tế	99.75	94.50	85.00	85.21%	TỐT
13	Sở Giáo dục và Đào tạo	98.25	94.07	80.75	82.19%	KHÁ
14	Sở Du lịch	100.00	92.00	81.71	81.71%	KHÁ
15	Sở Nông nghiệp và PTNT	100.00	91.99	80.74	80.74%	KHÁ
16	Sở Giao thông vận tải	98.75	90.50	78.75	79.75%	KHÁ
17	Sở Tư pháp	100.00	91.07	79.25	79.25%	KHÁ
18	Sở Kế hoạch và Đầu tư	100.00	91.44	79.00	79.00%	KHÁ
19	Sở Xây dựng	99.00	90.52	76.79	77.57%	KHÁ
20	Sở Văn hóa và Thể thao	100.00	95.00	77.22	77.22%	KHÁ
21	Sở Tài nguyên và Môi trường	100.00	84.00	75.75	75.75%	KHÁ
<b>II</b>	<b>CÁC CƠ QUAN NGÀNH DỤC</b>					
22	Ngân hàng Nhà nước tỉnh	77.00	76.00	73.50	95.45%	TỐT
23	Cục Thuế tỉnh	100.00	92.25	91.12	91.12%	TỐT
24	Bảo hiểm xã hội tỉnh	100.00	98.00	88.88	88.88%	TỐT
25	Kho bạc Nhà nước tỉnh	99.75	98.50	88.00	88.22%	TỐT
26	Cục Hải quan tỉnh	100.00	99.57	87.82	87.82%	TỐT
27	Công an tỉnh	100.00	92.50	82.02	82.02%	KHÁ



STT	TÊN CƠ QUAN	ĐIỂM CHUẨN	ĐIỂM TỰ CHẤM	ĐIỂM THẨM ĐỊNH	CHỈ SỐ	XẾP LOẠI
<b>III UBND CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ</b>						
28	UBND huyện Khánh Vĩnh	100.00	89.57	92.08	92.08%	TỐT
29	UBND huyện Khánh Sơn	100.00	83.24	87.34	87.34%	TỐT
30	UBND thị xã Ninh Hòa	100.00	86.14	83.09	83.09%	KHÁ
31	UBND huyện Cam Lâm	100.00	85.00	79.33	79.33%	KHÁ
32	UBND thành phố Nha Trang	100.00	79.30	78.02	78.02%	KHÁ
33	UBND huyện Vạn Ninh	100.00	71.92	77.92	77.92%	KHÁ
34	UBND huyện Diên Khánh	100.00	87.13	77.74	77.74%	KHÁ
35	UBND thành phố Cam Ranh	100.00	87.50	77.46	77.46%	KHÁ
<b>IV CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP THUỘC UBND TỈNH</b>						
36	Ban Quản lý dự án phát triển tỉnh Khánh Hòa	100.00	95.00	94.00	94.00%	TỐT
37	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh Khánh Hòa	100.00	93.00	89.00	89.00%	TỐT
38	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh Khánh Hòa	100.00	94.00	87.76	87.76%	TỐT
39	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang	100.00	94.00	86.50	86.50%	TỐT
40	Đài Phát thanh - Truyền hình Khánh Hòa	100.00	94.00	86.00	86.00%	TỐT
41	Trường Đại học Khánh Hòa	100.00	90.00	81.00	81.00%	KHÁ
42	Ban Quản lý Khu du lịch Bán đảo Cam Ranh	100.00	93.00	80.00	80.00%	KHÁ
43	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Khánh Hòa	100.00	96.00	79.67	79.67%	KHÁ
44	Trường Cao đẳng Y tế Khánh Hòa	100.00	45.75	28.25	28.25%	YẾU

**TỔNG HỢP:**  
**TỐT**                    24 đơn vị  
**KHÁ**                    19 đơn vị  
**TRUNG BÌNH**        0 đơn vị  
**YẾU**                    1 đơn vị